

Số: 101/BC-QĐTPT

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO

Việc bán nhà ở xã hội trước khi thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua, thuê mua, cho thuê nhà ở xã hội tại Dự án Thí điểm nhà ở xã hội tại phường Thạch Linh, Hà Tĩnh (nay là phường Thành Sen)

Kính gửi: Sở Xây dựng

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26/7/2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản;

Căn cứ Hướng dẫn số 1169/SXD-QLN₃ ngày 12/03/2026 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung quy định về trình tự, thủ tục mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không sử dụng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ Văn bản số 1314/SXD-QLN₁ ngày 18/03/2026 của Sở Xây dựng về việc bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai tại Dự án Thí điểm nhà ở xã hội tại phường Thạch Linh, Hà Tĩnh (nay là phường Thành Sen);

Căn cứ Quyết định số 99/QĐ-QĐTPT ngày 18/3/2026 của Quỹ Đầu tư phát triển về việc phê duyệt giá bán nhà ở xã hội thuộc Dự án thí điểm nhà ở xã hội tại phường Thạch Linh, thành phố Hà Tĩnh-Giai đoạn II(nay là phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh).

Quỹ Đầu tư phát triển Hà Tĩnh báo cáo và đề nghị Sở Xây dựng đăng tải, công bố công khai tại Trang Thông tin điện tử của Sở Xây dựng về việc bán, cho thuê nhà ở xã hội trước khi thực hiện tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội tại Dự án Thí điểm nhà ở xã hội tại phường Thạch Linh, Hà Tĩnh (nay là phường Thạch Linh) như sau:

1. Tên dự án: Dự án Thí điểm nhà ở xã hội tại phường Thạch Linh, Hà Tĩnh(nay là phường Thành Sen)

2. Chủ đầu tư dự án: Quỹ Đầu tư phát triển Hà Tĩnh.

3. Địa điểm xây dựng dự án: Phường Thành Sen, Hà Tĩnh

4. Địa chỉ liên lạc, địa chỉ nộp đơn đăng ký: 01 Đặng Dung, phường Thành Sen, Hà Tĩnh

- Số điện thoại liên hệ: 0976668306

5. Tiến độ thực hiện dự án:

- Dự kiến hoàn thành: 31/12/2026.

6. Quy mô dự án:

- Công trình gồm 06 toà nhà A,B,C,D,E,F cao 41,05m và 12 tầng; xây dựng khu nhà ở xã hội đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật trên diện tích khoảng 4 ha theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Số lượng căn hộ để bán:

- Số lượng căn hộ nhà ở xã hội mở bán: 509 căn hộ (GD2).

8. Diện tích căn hộ bán:

- Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

9. Giá bán căn hộ:

Tên	Loại hình căn hộ	Đặc điểm chi tiết	Đơn giá (VNĐ/m ² sàn)
Sản phẩm 1	Căn hộ cao 6m	Gồm tầng 1 (cao 2,6m) và tầng lửng (cao 3,4m)	18.550.064
Sản phẩm 2	Căn hộ tầng 3 – 11	Độ cao 3,1m	16.863.694
Sản phẩm 3	Căn hộ góc (Tầng 3 – 11)	Độ cao 3,1m (Các mã: D9, D15, D17, E9, E15, F1, F13, F15)	17.369.605
Sản phẩm 4	Căn hộ tầng 12	Độ cao 3,1m	15.192.502

(Giá bán đã bao gồm VAT, chưa bao gồm 2% kinh phí bảo trì)

10. Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ đăng ký mua Nhà ở xã hội:

Hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu đăng ký mua Nhà ở xã hội liên hệ trực tiếp chủ đầu tư để được hướng dẫn và nộp hồ sơ đăng ký mua nhà ở xã hội:

- Thời gian hướng dẫn hồ sơ: Từ ngày 23/3/2026 đến ngày 21/5/2026.

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký: Từ ngày 21/4/2026 đến ngày 21/5/2026.

- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trụ sở Quỹ Đầu tư phát triển Hà Tĩnh, Số 01 Đặng Dung, phường Thành Sen, Hà Tĩnh.

- Điện thoại: 0976668306

- Ngày làm việc: Từ thứ 2 đến thứ 6 (trừ các ngày lễ theo quy định).

- Thời gian: Sáng từ 8h -11h ; Chiều từ 14h -17h.

Quỹ Đầu tư phát triển trân trọng báo cáo Sở Xây dựng để biết và đăng tải thông tin dự án theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- UBND cấp phường, xã ;

- Công an cấp phường, xã ;

- Lưu: VT 



GIÁM ĐỐC

Phạm Thái Bình

PHỤ LỤC

Danh sách nhà ở xã hội hình thành trong tương lai thuộc Dự án Thí điểm nhà ở xã hội tại phường Thạch Linh, Hà Tĩnh (nay là phường Thành Sen) đã đủ điều kiện được bán, cho thuê mua

TT	Danh sách các phòng, căn hộ; Tòa nhà D	Diện tích (m ²)	Số căn hộ (Căn)	Tổng diện tích (m ²)
I	Tầng 1 và tầng 2			
1	D1*	76,54	1	76,54
2	D2*	76,88	1	76,88
3	D3*	68,22	1	68,22
4	D4*	67,45	1	67,45
5	D5*	76,06	1	76,06
6	D6*	76,06	1	76,06
	Tổng cộng	442,16	6	441,21
II	Tầng 3 đến Tầng 12			
1	D1- 2 Phòng Ngủ	57,80	10	578,0
2	D2 - 2 Phòng Ngủ	57,90	10	579,0
3	D3 - 2 Phòng Ngủ	57,30	10	573,0
4	D4 - 2 Phòng Ngủ	57,30	10	573,0
5	D5 - 2 Phòng Ngủ	57,30	10	573,0
6	D6 - 2 Phòng Ngủ	56,30	10	563,0
7	D7 - 2 Phòng Ngủ	57,30	10	573,0
8	D8 - 2 Phòng Ngủ	57,30	10	573,0
9	D9 - 2 Phòng Ngủ	65,80	10	658,0
10	D10 - 2 Phòng Ngủ	69,80	10	698,0
11	D11 - 2 Phòng Ngủ	57,50	10	575,0
12	D12 - 1 Phòng Ngủ	30,32	10	303,2
13	D13 - 2 Phòng Ngủ	64,66	10	646,6
14	D14 - 2 Phòng Ngủ	56,43	10	564,3
15	D15 - 3 Phòng Ngủ	73,37	10	733,7
16	D16 - 2 Phòng Ngủ	63,20	10	632,0
17	D17 - 2 Phòng Ngủ	66,56	10	665,6
	Tổng cộng	1.006,14	170	10.061,4
	Tổng cộng Toà D		176	10.502,61



TT	Danh sách các phòng, căn hộ; Tòa nhà E	Diện tích (m ²)	Số căn hộ (Căn)	Tổng diện tích (m ²)
I	Tầng 1 và tầng 2			
1	E1*	76,25	1	76,25
2	E2*	76,44	1	76,44
3	E3*	76,44	1	76,44
4	E4*	76,44	1	76,44
5	E5*	77,39	1	77,39
6	E6*	76,95	1	76,95
7	E7*	76,44	1	76,44
	Tổng cộng	536,35	7	536,35
II	Tầng 3 đến tầng 12			
1	E1 - 2 Phòng Ngủ	57,40	10	574
2	E2 - 2 Phòng Ngủ	57,40	10	574
3	E3 - 2 Phòng Ngủ	57,49	10	574,9
4	E4 - 2 Phòng Ngủ	56,70	10	567
5	E5 - 2 Phòng Ngủ	56,84	10	568,4
6	E6 - 2 Phòng Ngủ	56,81	10	568,1
7	E7 - 2 Phòng Ngủ	57,17	10	571,7
8	E8 - 2 Phòng Ngủ	57,17	10	571,7
9	E9 - 2 Phòng Ngủ	65,01	10	650,1
10	E10 - 2 Phòng Ngủ	68,35	10	683,5
11	E11 - 2 Phòng Ngủ	57,07	10	570,7
12	E12 - 1 Phòng Ngủ	30,36	10	303,6
13	E13 - 2 Phòng Ngủ	64,67	10	646,7
14	E14 - 2 Phòng Ngủ	55,74	10	557,4
15	E15 - 3 Phòng Ngủ	72,96	10	729,6
16	E16 - 2 Phòng Ngủ	63,05	10	630,5
17	E17 - 2 Phòng Ngủ	66,50	10	665
	Tổng cộng	1.000,69	170	10.006,9
	Tổng cộng toà E		177	10.543,25

TT	Danh sách các phòng, căn hộ; Tòa nhà F	Diện tích (m ²)	Số căn hộ (Căn)	Tổng diện tích (m ²)
I	Tầng 1 và tầng 2			
1	F1*	77,6	1	77,6
2	F2*	76,7	1	76,7
3	F3*	77,02	1	77,02
4	F4*	76,7	1	76,7
5	F5*	76,7	1	76,7
6	F6*	76,95	1	76,95
	Tổng cộng	461,67	6	461,67
II	Tầng 3 đến tầng 12			
1	F1 - 3 Phòng Ngủ	73,09	10	730,9
2	F2 - 2 Phòng Ngủ	66,73	10	667,3
3	F3 - 2 Phòng Ngủ	64,41	10	644,1
4	F4 - 2 Phòng Ngủ	63,17	10	631,7
5	F5 - 2 Phòng Ngủ	57,12	10	571,2
6	F6 - 2 Phòng Ngủ	56,46	10	564,6
7	F7 - 1 Phòng Ngủ	40,15	10	401,5
8	F8 - 2 Phòng Ngủ	63,33	10	633,3
9	F9 - 2 Phòng Ngủ	69,22	10	692,2
10	F10 - 2 Phòng Ngủ	69,76	10	697,6
11	F11 - 2 Phòng Ngủ	63,03	10	630,3
12	F12 - 2 Phòng Ngủ	67,22	10	672,2
13	F13 - 2 Phòng Ngủ	68,16	10	681,6
14	F14 - 2 Phòng Ngủ	63,41	10	634,1
15	F15 - 2 Phòng Ngủ	67,91	10	679,1
	Tổng cộng	953,17	150	9.531,7
	Tổng cộng toà F		156	9.993,37

